

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 39/2017/HSST

Ngày 24/8/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trường Thọ

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Trần Ngọc Trí.

2/ Ông Đoàn Quốc Bảo.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh- Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 40/2017/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Văn H; Tên gọi khác: cháy; Sinh năm 1993, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở trước khi phạm tội: Không có nơi ở nhất định.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: không.

Tiền án: 03

Ngày 17/01/2012 bị Tòa án nhân dân huyện C tuyên phạt 1 năm 9 tháng tù về tội “cố ý gây thương tích” và tội “trộm cắp tài sản.

Ngày 25/6/2014 bị Tòa án nhân dân huyện C tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 08/5/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: 0

Con ông: Trần Thanh M (đã chết), con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm:1969. Hiện bà đang sinh sống tại thôn H, xã Q, C, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày: 22/3/2017.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

* Người bị hại: Chị Lữ Cẩm T (chết).

* Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

1- Bà Nguyễn Thị L (Có mặt), sinh năm 1975 (Mẹ ruột của người bị hại).

Địa chỉ: 78 Xô Viết Nghệ Tĩnh, TT Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2- Ông Lữ Tấn V (Có mặt), sinh năm 1972 (Bố ruột của người bị hại).

Địa chỉ: 34, đường A7, xã Cư Ê, TP B, tỉnh Đắk Lắk.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1- Cháu Lê Văn T, sinh ngày 10/01/2001 (Vắng mặt);

- Người đại diện theo pháp luật của cháu T: Bà Lê Thị T – mẹ ruột của T (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã Ea , huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2- Anh Trần Văn H (Vắng mặt), sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN THẤY

Bị cáo Trần Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 16/3/2017, Trần Văn H (Tên gọi khác là Cháy) sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú: thôn H, xã Q, huyện C , tỉnh Đắk Lắk (không có giấy phép lái xe hạng A1) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47F9-AAA. A A có dung tích xi lanh 97cm³ chở phía sau Lê Văn T, sinh năm: 2001, trú tại: thôn 7, xã Ea, huyện C, tỉnh Đắk Lắk đi đến cửa hàng bán phụ tùng xe máy Quốc A thuộc tổ dân phố 2, thị trấn Q, huyện C để mua phụ tùng xe mô tô. Sau khi mua xong H điều khiển xe chở T đi hướng từ đường tỉnh lộ 8 về xã Q, huyện C. Khi đến cổng chào thôn T, xã Q, huyện C thì H điều khiển xe chuyển hướng về bên phải theo đường đi vào thôn T. Đến ngã tư đường giao nhau giữa đường tỉnh lộ 8 đi vào thôn T, xã Q với đường liên thôn từ thị trấn Q về xã Q thì H điều khiển xe không giảm tốc độ và không nhường đường cho xe đi từ bên phải nên đã tông vào xe mô tô biển kiểm soát 47H1-BBB.BB do chị Lữ Cẩm T (có giấy phép lái xe hạng A1), sinh năm 1998, trú tại: số nhà 34 đường A7, xã Cư Ê, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk điều khiển đi trên đường theo hướng từ thị trấn Q về xã Q. Hậu quả làm chị Lữ Cẩm T bị thương nặng và ngày 17/3/2017 tử vong trên đường đi cấp cứu tại Bệnh viện Chợ Rẫy (thành phố Hồ Chí Minh); Trần Văn H và Lê Văn T bị thương nhẹ, Hai xe mô tô bị hư hỏng nhẹ.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 16/3/2017 và biên bản dựng lại hiện trường ngày 22/3/2017 của cơ quan cảnh sát Điều tra công an huyện C xác định: Vụ tai nạn xảy ra trên đoạn đường nhựa, đường giao nhau (tại ngã tư giữa hai đường liên thôn). Mặt đường theo hướng từ tỉnh lộ 8 đi thôn T, xã Q rộng 3,9m giao nhau với mặt đường theo hướng từ khối 1, thị trấn Q đi thôn T, xã Q rộng 3,5m, mặt đường bằng phẳng mật độ dân cư sinh sống hai bên đường đông đúc, trên đoạn đường xảy ra tai nạn không có biển báo hiệu. Chọn mép đường bên phải theo hướng từ đường tỉnh lộ 8 đi thôn T, xã Q làm hướng chuẩn. Điểm va chạm giữa xe mô tô biển kiểm soát 47H1-BBB.BB với xe mô tô biển kiểm soát 47 F9-AAA.A A đo vào mép đường chuẩn là 2,9m. Tại kết luận pháp y thương tích 752/PY-T.Th ngày 27/3/2017 của

Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Nguyên nhân tử vong của Lữ Cẩm T là hôn mê, suy hô hấp không phục hồi do chấn thương sọ não, vỡ sọ, chảy máu nội sọ/TNGT.

Tại kết luận định giá tài sản số 28/KLĐGTS ngày 04/4/2017 của Hội đồng ĐGTSTT Hình sự huyện C xác định: xe mô tô biển kiểm soát 47H1-BBB.BB bị thiệt hại trong vụ tai nạn giao thông là 1.481.000đ và xe mô tô biển kiểm soát 47F9-AAA.A A bị thiệt hại trong vụ tai nạn giao thông là 738.000đ.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Điều tra đã tạm giữ các sản sau: 01 xe mô tô biển kiểm soát 47H1 – BBB.BB; 01 đôi dép một quai ngang màu trắng sọc đen, 01 chiếc áo khoác vải màu đỏ đen, 01 mũ lưỡi trai màu đen phía trước có thêu nhiều chiếc lá màu xanh; 01 xe mô tô biển kiểm soát 47F9-AAA.A A hiện đang được tạm giữ tại kho vật chứng Công an huyện C.

Ngày 11/5/2017 Cơ quan cảnh sát Điều tra công an huyện C đã trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 47H1 – BBB.BB cho bà Nguyễn Thị L là chủ sở hữu hợp pháp.

Ngày 19/6/2017 Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện C đã trả lại cho anh Lê Văn T 01 đôi dép một quai ngang màu trắng sọc đen, 01 chiếc áo khoác vải màu đỏ đen, 01 mũ lưỡi trai màu đen phía trước có thêu nhiều chiếc lá màu xanh là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện của bị hại chị Lữ Cẩm T là bà Nguyễn Thị L và ông Lữ Tấn V, quá trình điều tra có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại tổng số tiền chi phí thiệt hại về vật chất là 78.500.000đ (Bảy mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) và yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật. Nhưng tại phiên tòa bà L và ông V thấy hoàn cảnh của gia đình bị cáo có nhiều khó khăn nên không yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và tính mạng, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

Bản cáo trạng số 43/KSĐT-HS ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Trần Văn H về tội tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” theo khoản 2 Điều 202 BLHS 1999 (Viết tắt là BLHS 1999). Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202 BLHS 1999, điểm p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 04 (Bốn) năm tù.

* *Về trách nhiệm dân sự đại diện Viện kiểm sát đề nghị* : Quá trình điều tra gia đình bị hại yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền là 78.500.000 đ và tiền tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa gia đình bị hại bà Nguyễn Thị L và ông Lữ Tấn V không yêu cầu bồi thường thiệt hại là hoàn toàn tự nguyện nên không đề cập xử lý về trách nhiệm dân sự.

* *Về xử lý vật chứng đại diện Viện kiểm sát đề nghị:* căn cứ vào Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) và Điều 42 BLHS 1999: Chấp nhận cơ quan Điều tra công an huyện Cư Mgar đã giao trả cho các chủ sở hữu các tài sản sau : 01 xe mô tô biển kiểm soát 47H1 – BBB.BB cho bà Nguyễn Thị L , trả lại cho anh Lê Văn T: 01 đôi dép một quai ngang màu trắng sọc đen, 01 chiếc áo khoác vải màu đỏ đen, 01 mũ lưỡi trai màu đen phía trước có thêu nhiều chiếc lá màu xanh; 01 xe mô tô biển kiểm soát 47F9 – AAA.A A cho anh Trần Văn H.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan Điều tra, phù hợp với sơ đồ hiện trường nơi xảy ra tai nạn, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Văn H khai nhận: Khoảng 16 giờ ngày 16/3/2017, bị cáo không có giấy phép lái xe, điều khiển xe máy biển kiểm soát 47F9 – AAA.A A của anh Trần Văn H, chở phía sau là anh Lê Văn T, do không làm chủ tốc độ, không nhường đường cho xe máy chạy về bên phải nên đã tông vào xe máy của chị Lữ Cẩm T, hậu quả làm cho chị T chết trên đường đi cấp cứu ở Bệnh viện Chợ Rẫy; Bị cáo và anh T bị thương nhẹ, hai xe máy bị hư hỏng nhẹ.

Xét quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Như vậy có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 16/3/2017, bị cáo Trần Văn H phạm tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” theo khoản 2 Điều 202 BLHS 1999.

Điều 202 BLHS 1999 quy định :

1. Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

a) Không có giấy phép hoặc bằng lái xe theo quy định;

Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, hành vi bị cáo điều khiển xe máy không có giấy phép lái xe, chạy tốc độ cao trong khu dân cư, không nhường đường cho xe phía bên phải là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến an toàn công cộng, trật tự công cộng, vi phạm khoản 6, khoản 11 Điều 5 Thông tư 13/2009/TT-BGTVT ngày 17/7/2009 của Bộ giao thông vận tải và vi phạm vào khoản 3 Điều 5 Thông tư 91 ngày 31/12/2015 của Bộ giao thông vận tải và khoản 9 Điều 8 và khoản 1 Điều 24 Luật giao thông đường bộ, nên đã phạm vào tội Vi phạm

quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 202 BLHS 1999. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung về tội phạm trong xã hội.

Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. HĐXX xét thấy cần áp dụng để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta. Bị cáo đã có 03 tiền án về tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng do lỗi cố ý nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (Tái phạm) quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999.

Bị cáo không tranh luận chỉ xin lỗi gia đình người bị hại.

** Về bồi thường thiệt hại :* HĐXX nhận thấy: Giai đoạn điều tra gia đình bị hại yêu cầu bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần số tiền 78.500.000 đ (Bảy mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng), ngoài ra còn yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần theo quy định của pháp luật. Nhưng tại phiên tòa đại diện của gia đình bị hại bà L, ông V nhận thấy hoàn cảnh của gia đình bị cáo có nhiều khó khăn nên không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần, cho nên HĐXX không giải quyết về bồi thường thiệt hại.

Đối với xe máy của anh Trần Văn H bị hư hỏng nhẹ, quá trình điều tra không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Đối với cháu Lê Văn T bị thương nhẹ, quá trình điều tra cháu T và người đại diện theo pháp luật của cháu T: bà Lê Thị T không yêu cầu giải quyết về bồi thường thiệt hại nên HĐXX không xem xét.

**Về xử lý vật chứng :* xét thấy chiếc xe máy biển kiểm soát 47 H1-BBB.BB là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị L và ông Lữ Tấn V; 01 đôi dép một quai ngang màu trắng sọc đen, 01 chiếc áo khoác vải màu đỏ đen, 01 mũ lưỡi trai màu đen phía trước có thêu nhiều chiếc lá màu xanh là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Lê Văn T, nên HĐXX chấp nhận cơ quan Điều tra trả lại tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 76 BLTTHS. Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 47 F9-AAA.A A, số máy 50FMGB-99002968, số khung 2007613, giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Huỳnh Văn M là tài sản hợp pháp của anh Trần Văn H nên HĐXX tuyên trả lại cho anh H.

Trong vụ án này anh Trần Văn H là chủ sở hữu xe máy mà bị cáo sử dụng phương tiện gây tai nạn, nhưng anh H không có lỗi nên cơ quan Điều tra không xử lý anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

** Về án phí :* Căn cứ vào khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố : Bị cáo Trần Văn H phạm tội: “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202 BLHS 1999 ; Điểm p khoản 1 Điều 46 và điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999.

Xử phạt : Bị cáo Trần Văn H 05 (Năm) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 22/3/2017.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41BLHS 1999 ; Điểm b khoản 2 Điều 76 BLTTHS :

- Chấp nhận cơ quan Điều tra công an huyện C đã trả lại các tài sản: Chiếc xe máy biển kiểm soát 47 H1-BBB.BB cho bà Nguyễn Thị L và ông Lữ Tấn V; Một đôi dép một quai ngang màu trắng sọc đen, 01 chiếc áo khoác vải màu đỏ đen, 01 mũ lưỡi trai màu đen phía trước có thêu nhiều chiếc lá màu xanh cho cháu Lê Văn T.

- Tuyên trả lại cho anh Trần Văn H chiếc xe máy biển kiểm soát 47 F9-AAA.A A, số máy 50FMGB-99002968, số khung 2007613, đang giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

* Về án phí : Áp dụng Điều 99 BLTTHS ; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo H phải nộp 200.000 đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện C;
- CA Huyện C;
- THADS huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; - Đại diện người bị hại;
- Người liên quan; - THA phạt tù;
- Lưu TA;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Trường Thọ